TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2022/KDTM-ST
Ngày: 20 – 7 – 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tình Thanh Phước

Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 129/2021/TLST-KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1333/2022/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3261/2022/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kim khí Đông P;

Địa chỉ: Lô 2, đường C, khu công nghiệp T, phường T, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1979 là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/10/2020) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Công ty Cổ phần xây dựng How Y (Việt Nam);

Địa chỉ: 235 Đường N, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp: Ông Liao Nien Y, sinh năm 1958 là người đại diện theo pháp luật. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kim khí Đông P có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Ngày 01/7/2010, nguyên đơn và bị đơn ký kết Hợp đồng thương mại: OSP/DPM-CC/RENT/100701. Theo đó nguyên đơn cho bị đơn thuê các cọc cừ thép với những khối lượng và kích thước khác nhau để bị đơn thực hiện thi công các dự án ở các địa điểm như: Cầu Bà Cua, Cát Lái và Cầu Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên thỏa thuận về thời hạn thuê tối thiểu là 02 tháng, đồng thời quy định thời gian và thời hạn cho thuê được tính trên cơ sở vật tư thực tế được giao và nhận của từng đợt tại địa điểm của bị đơn, ngày kết thúc thời hạn thuê căn cứ vào mức sử dụng thực tế nhưng không ít hơn 120 ngày theo thỏa thuận. Tổng giá trị cho thuê các cọc cừ thép trong thời hạn 02 tháng và chi phí vận chuyển một chiều là: 294.696.160 đồng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Đồng thời, hai bên thỏa thuận về tổng giá trị vật tư (các cọc cừ thép) được quy đổi thành tiền là: 162,72 triệu tấn x 15.000.000 đồng/tấn = 2.500.800.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cũng như giao trả lại không đầy đủ các cọc cừ thép cho nguyên đơn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

Ngày 11/8/2017, bị đơn gửi công văn về việc kế hoạch thanh toán công nợ đến nguyên đơn, cụ thể: Bị đơn đồng ý thanh toán số tiền thuê cọc cừ thép còn thiếu là: 721.134.825 đồng thành ba (03 đợt) như sau: Đợt 1: 240.000.000 đồng, dự kiến ngày 15/10/2017; Đợt 2: 240.000.000 đồng, dự kiến ngày 15/11/2017 và Đợt 3: 241.134.825 đồng, dự kiến ngày 15/12/2017. Đồng thời, bị đơn xin gia hạn thời gian để tiến hành xác minh phần khối lượng cọc cừ thép bị thất thoát là: 99.740 tấn và cam kết phản hồi cho nguyên đơn trước ngày 31/10/2017.

Sau đó bị đơn đã hoàn tất việc thanh toán số tiền thuê cọc cừ thép là 721.134.825 đồng. Tuy nhiên, về phần khối lượng cừ thép bị thất thoát với khối lượng 99.740 tấn thì bị đơn không có bất kỳ sự phản hồi nào. Vì bị đơn không phản hồi về khối lượng cọc tấm thép bị thất thoát nên ngày 20/7/2018 nguyên đơn đã gửi công văn cho bị đơn yêu cầu xác nhận công nợ về khối lượng cọc cừ thép thất thoát là 99.740 tấn tương đương với số tiền là 1.601.824.400 đồng. Trong nội dung công văn này, nguyên đơn nêu rõ thời hạn để bị đơn phản hồi là đến ngày 31/8/2018. Nếu sau thời hạn này, bị đơn không có bất kỳ sự phản hồi nào thì xem như bị đơn đã đồng ý về khối lượng cừ thép thất thoát cũng như số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn do bị đơn làm thất thoát khối lượng cừ thép này.

Đến nay, bị đơn vẫn không có bất kỳ sự phản hồi nào về khối lượng cọc cừ thép thất thoát là 99.740 tấn tương dương với số tiền 1.601.824.400 đồng như nguyên đơn yêu cầu tại công văn ngày 20/7/2018. Vì vậy, nguyên đơn

khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 1.601.824.400 đồng tương đương với 99.740 tấn cừ thép.

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng có liên quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án. Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng thuê tài sản với bị đơn là pháp nhân có địa chỉ trụ sở tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hoà giải được.

[1.4] Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Do đó Tòa án căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập được.

2. Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn ký với nhau hợp đồng thương mại OSP/DPM-CC/RENT/100701 ngày 01/7/2010 có hình thức, nội dung không trái quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.601.824.400 đồng tương đương với 99.740 tấn cừ thép thất thoát theo hợp đồng thương mại OSP/DPM-CC/RENT/100701 ngày 01/7/2010, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình thực hiện hợp đồng OSP/DPM-CC/RENT/100701 ngày 01/7/2010, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa các bên. Căn cứ biên bản giao nhận hàng hóa ngày 04/4/2013, nguyên đơn đã bàn giao cho bị đơn 99.740 tấn cọc cừ thép. Tuy nhiên do hàng hóa bị thất thoát nên ngày 04/11/2015 nguyên đơn gửi cho bị đơn Thông báo về việc công nợ chưa thanh toán, theo đó xác nhận công nợ đối với số hàng hóa thất thoát là 99.740 tấn cọc cừ thép tương đương 1.601.824.400 đồng. Sau đó, ngày 11/8/2017 bị đơn gửi cho nguyên đơn công văn về kế hoạch thanh toán, trong đó xác nhận khối lượng cừ thép bị thất thoát là 99.740 tấn, sẽ phản hồi lại cho nguyên đơn trước ngày 31/10/2017. Tuy nhiên do bị đơn không phản hồi, cũng như không thực hiện thanh toán nên ngày 20/7/2018 nguyên đơn gửi cho bị đơn công văn về việc giải quyết công nợ đề nghị bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 1.601.824.400 đồng tương đương 99.740 tấn cọc cừ thép. Do đó, có đủ cơ sở để xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 1.601.824.400 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Về án phí dân sự: Theo điểm a khoản 1 Điều 24, điểm 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm về kinh doanh thương mại do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 50, Luật Thương mại năm 2005; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kim khí Đông P.

Buộc Công ty Cổ phần xây dựng How Y (Việt Nam) thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kim khí Đông P số tiền 1.601.824.400 (Một tỷ sáu trăm linh một triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần xây dựng How Y (Việt Nam) phải chịu số tiền 60.054.732 (Sáu mươi triệu không trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm ba mươi hai) đồng.

Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kim khí Đông P 30.027.366 (Ba mươi triêu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi sáu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2019/0030174 ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kim khí Đông P, Công ty Cổ phần xây dựng How Y (Việt Nam) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mạnh